

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/NQ-HĐND

Vĩnh Thuận, ngày 19 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT
Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của
HĐND tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của
HĐND huyện Vĩnh Thuận về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025 do UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của
HĐND huyện Vĩnh Thuận về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025 do UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND
huyện Vĩnh Thuận về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 do UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của
HĐND huyện Vĩnh Thuận về việc phê duyệt danh mục công trình GTNT theo
tiêu chí thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do UBND
huyện Vĩnh Thuận quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của HĐND
huyện Vĩnh Thuận về việc phê duyệt chi tiết danh mục công trình GTNT theo tiêu
chí thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do UBND huyện
Vĩnh Thuận quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của HĐND
huyện Vĩnh Thuận về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 do UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Thuận về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý;

Xét Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2024, cụ thể như sau:

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là 227.662 triệu đồng (Hai trăm hai mươi bảy tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu đồng), chi tiết từng nguồn vốn như sau:

I. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 100.000 triệu đồng.

II. Nguồn vốn địa phương: 127.662 triệu đồng.

Trong đó:

1. Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 44.000 triệu đồng.
2. Nguồn xổ số kiến thiết: 71.504 triệu đồng.
3. Nguồn thu sử dụng đất: 12.158 triệu đồng.

(phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Website Vĩnh Thuận;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- LĐVP, CVNC;
- TT. HĐND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Toàn

Phụ lục

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Thuận)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú						
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18						
	TỔNG CỘNG (A+B)				577.794	577.794	173.633	173.633	596.540	596.540	-	-	227.662	227.662	-	-							
A	Nguồn NSTW				339.000	339.000	72.600	72.600	339.000	339.000	-	-	100.000	100.000	-	-							
	Công trình giao thông				339.000	339.000	72.600	72.600	339.000	339.000	-	-	100.000	100.000	-	-							
01	Đầu tư xây dựng công trình Đường ven sông Cái Lớn (trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận)	VT	2023-2024		339.000	339.000	72.600	72.600	339.000	339.000			100.000	100.000									
B	Nguồn ngân sách địa phương (I+...+III)				238.794	238.794	101.033	101.033	257.540	257.540	-	-	127.662	127.662									
I	Nguồn Xổ số kiến thiết				155.589	155.589	91.033	91.033	174.335	174.335	-	-	71.504	71.504	-	-							
a	Ngành Giáo dục				39.900	39.900	19.265	19.265	39.900	39.900	-	-	17.480	17.480	-	-							
a.1	Công trình chuyển tiếp				23.000	23.000	19.265	19.265	23.000	23.000	-	-	3.580	3.580	-	-							
01	Trường TH Vĩnh Thuận 1 (Điểm Đập Đá), Hạng mục: Xây dựng mới 06 phòng học + San lấp + Nhà vệ sinh + Sân nền	Vĩnh Thuận	2023-2025	4682; 26/12/2022	6.700	6.700	4.745	4.745	6.700	6.700			1.900	1.900									
02	Trường TH&THCS Vĩnh Bình Nam; Hạng mục XD mới 6 phòng học+Thiết bị	Vĩnh B. Nam	2023-2024	4683; 26/12/2022	4.500	4.500	2.900	2.900	4.500	4.500			1.500	1.500									
03	Trường Mẫu giáo Vĩnh Bình Nam; Hạng mục: XD mới (Điểm Bình Phong) 02 phòng học+Thiết bị	Vĩnh B. Nam	2023-2024	4681; 26/12/2022	2.800	2.800	2.700	2.700	2.800	2.800			100	100									
04	Trường TH Vĩnh Phong 1; Hạng mục: xây dựng mới (điểm Rạch Đình) 8 phòng học + San lấp + Hàng rào + Sân nền	Vĩnh Phong	2022-2024	7212; 29/12/21	9.000	9.000	8.920	8.920	9.000	9.000			80	80									
a.2	Công trình bố trí mới				16.900	16.900	-	-	16.900	16.900	-	-	13.900	13.900	-	-							

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS		Trong đó: NS				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số					Trong đó					Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	
												Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB							Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18				
01	Trường TH &THCS Vĩnh Bình Bắc; Hạng mục XD mới 6 phòng học+Thiết bị	Vĩnh B. Bắc	2024-2025	03/6/2020; 33/NQ- HỘND, 19/12/2021	5.000	5.000			5.000	5.000			4.000	4.000							
02	Trường TH & THCS Thị trấn; HM: Xây dựng mới nhà đa năng + thiết bị + Cải tạo sân nền	Thị trấn	2024-2025	21/12/2021; 05/NQ-HDND, 18/7/23	8.000	8.000			8.000	8.000			6.000	6.000							
03	Trường TH & THCS Tân Thuận 1; HM: Xây dựng mới 02 phòng học; cải tạo, sửa chữa 06 phòng học + Thiết bị	Tân Thuận	2024-2025	17/NQ-HỘND, 29/11/2023	1.400	1.400			1.400	1.400			1.400	1.400							
04	Trường TH Vĩnh Phong 1 (điểm Rạch đình); HM: Xây dựng mới hàng rào; sân nền; mái che; lò đốt rác; cột cờ; nhà nghỉ giáo viên	Vĩnh Phong	2024-2025	17/NQ-HỘND, 29/11/2023	2.500	2.500			2.500	2.500			2.500	2.500							
b	Công trình giao thông				106.389	106.389	57.748	57.748	106.845	106.845	-	-	44.424	44.424	-	-					
b.1	GTNT theo tiêu chí				38.587	38.587	16.248	16.248	39.043	39.043	-	-	19.100	19.100	-	-					
	Công trình chuyển tiếp				26.739	26.739	16.248	16.248	27.195	27.195	-	-	9.600	9.600	-	-					
01	Nâng cấp, cải tạo đường Lưu Nhơn Sâm thị trấn Vĩnh Thuận	Thị trấn	2023-2024	4529; 22/12/2022	8.350	8.350	5.048	5.048	8.350	8.350			3.000	3.000							
02	Nâng cấp, mở rộng đường kênh bốn thướt xã Bình Minh	Bình Minh	2023-2025	4530; 22/12/2022	11.530	11.530	5.200	5.200	11.530	11.530			5.800	5.800							
03	Đường Ruộng Sạ xã Phong Đông	Phong Đông	2023-2024	4531; 22/12/2022	6.859	6.859	6.000	6.000	7.315	7.315			800	800							
	Công trình bố trí mới				11.848	11.848	-	-	11.848	11.848	-	-	9.500	9.500	-	-					
01	Mở rộng đường từ Vĩnh Bình Nam đến Cầu Lộ Mới		2024-2025	27/NQ- HỘND, 30/08/2021	11.848	11.848			11.848	11.848			9.500	9.500							
b.2	GTNT tính phân bổ				29.500	29.500	23.500	23.500	29.500	29.500	-	-	6.000	6.000	-	-					
01	Nâng cấp, cải tạo đường kênh Tư xã Vĩnh Phong	Vĩnh phong	2023-2024	4121; 22/12/2022	15.000	15.000	10.000	10.000	15.000	15.000			5.000	5.000							

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số				Trong đó			Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
02	Xây dựng mới, mở rộng Đường Kênh 11 và xây dựng mới các cầu trên tuyến, đoạn từ 4000-8000 (phải tuyến)	Vĩnh Thuận	2023-2025	4122; 22/12/2022	14.500	14.500	13.500	13.500	14.500	14.500			1.000	1.000			
b.3	Công trình giao thông khác				38.302	38.302	18.000	18.000	38.302	38.302	-	-	19.324	19.324	-	-	
01	Nâng cấp mở rộng đường kênh 9 - kênh 4000 xã Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận	2023-2025	4265; 10/08/2023	9.630	9.630	3.700	3.700	9.630	9.630			5.500	5.500			
02	Đường kênh Thủy Lợi (phải tuyến) xã Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận	2023-2025	4216; 09/08/2023	9.412	9.412	4.500	4.500	9.412	9.412			4.500	4.500			
03	Cầu vòm kênh 2 xã Tân Thuận	Tân Thuận	2023-2024	4710; 29/12/2022	5.760	5.760	2.800	2.800	5.760	5.760			2.900	2.900			
04	Mở rộng đường từ cầu 500 đến Vĩnh Bình Nam	Vĩnh - Vĩnh Bình	2023-2025	4711; 29/12/2022	13.500	13.500	7.000	7.000	13.500	13.500			6.424	6.424			
c	Hoạt động kinh tế				4.500	4.500	3.200	3.200	4.500	4.500	-	-	1.300	1.300	-	-	
01	Đường Nguyễn Trung Trực Thị trấn Vĩnh Thuận	Thị trấn	2023-2024	4708; 29/12/2022	4.500	4.500	3.200	3.200	4.500	4.500			1.300	1.300			
d	Đảm bảo xã hội				-	-	10.820	10.820	18.290	18.290	-	-	3.500	3.500			
01	Nhà Người có công (nhà tình nghĩa)	VT	2021-2025				10.820	10.820	18.290	18.290			3.500	3.500			
e	Lĩnh vực Y tế				4.800	4.800	-	-	4.800	4.800	-	-	4.800	4.800	-	-	
01	Sửa chữa Trạm y tế xã Vĩnh Bình Bắc; HM: Sửa chữa, nâng cấp + Thiết bị	Thị trấn	2024-2025	33/NQ- HĐND, 19/12/2022	1.200	1.200			1.200	1.200			1.200	1.200			
02	Sửa chữa Trạm y tế xã Vĩnh Bình Nam; HM: Sửa chữa, nâng cấp + Thiết bị	Bình Minh	2024-2025	33/NQ- HĐND, 19/12/2022	1.200	1.200			1.200	1.200			1.200	1.200			
03	Sửa chữa Trạm y tế xã Tân Thuận; HM: Sửa chữa, nâng cấp + Thiết bị	Vĩnh Phong	2024-2025	33/NQ- HĐND, 19/12/2022	1.200	1.200			1.200	1.200			1.200	1.200			
04	Sửa chữa Trạm y tế xã Vĩnh Thuận; HM: Sửa chữa, nâng cấp + Thiết bị	Phong Đông	2024-2025	33/NQ- HĐND, 19/12/2022	1.200	1.200			1.200	1.200			1.200	1.200			
II	Nguồn Cân đối ngân sách				60.875	60.875	10.000	10.000	60.875	60.875	-	-	44.000	44.000	-	-	
a	Khối quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				4.500	4.500	-	-	4.500	4.500	-	-	3.000	3.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số				Trong đó			Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Công trình bố trí mới				4.500	4.500	-	-	4.500	4.500	-	-	3.000	3.000	-	-	
01	Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống thoát nước khu hành chính huyện Vĩnh Thuận	Thị trấn	2024-2025	05/NQ- HĐND, 03/6/2020	4.500	4.500			4.500	4.500			3.000	3.000			
b	Lĩnh vực văn hóa				25.000	25.000	-	-	25.000	25.000	-	-	21.125	21.125	-	-	
02	Xây dựng mới khu tập kết 200 ngày đêm Vàm Chắt Bông Hạng mục: Cổng, hàng rào, tượng đài, cột cờ, nhà bia, nhà bảo tàng, hồ sen và hỗ trợ bồi hoàn.	Phong Đông	2021-2023	05/NQ- HĐND, 03/6/2020	25.000	25.000			25.000	25.000			21.125	21.125			
c	Giao thông				31.375	31.375	10.000	10.000	31.375	31.375	-	-	19.875	19.875	-	-	
c.1	Công trình bố trí mới				4.875	4.875	-	-	4.875	4.875	-	-	4.875	4.875	-	-	
01	Đường GTNT kênh Xẻo Lộp (bờ trái) giai đoạn 2	Vĩnh Phong	2024-2025	05/NQ-HĐND, 18/7/2023	1.150	1.150			1.150	1.150			1.150	1.150			
02	Đường Kênh ngang xã Vĩnh Phong	Vĩnh Phong	2024-2025	05/NQ-HĐND, 18/7/2023	3.725	3.725			3.725	3.725			3.725	3.725			
c.2	Công trình chuyển tiếp				26.500	26.500	10.000	10.000	26.500	26.500	-	-	15.000	15.000			
01	Đường Kênh 14, huyện Vĩnh Thuận; HM: Cải tạo, nâng cấp + xây dựng mới 02 cầu trên tuyến	Vĩnh Thuận	2023-2025	4831; 24/8/2023	26.500	26.500	10.000	10.000	26.500	26.500			15.000	15.000			
III	Nguồn thu sử dụng đất				22.330	22.330	-	-	22.330	22.330	-	-	12.158	12.158	-	-	
a	GTNT theo tiêu chí				19.930	19.930	-	-	19.930	19.930	-	-	9.758	9.758	-	-	
	Công trình bố trí mới				19.930	19.930	-	-	19.930	19.930	-	-	9.758	9.758	-	-	
01	Đường kênh Xáng Ba Đình xã Vĩnh Bình Bắc	Vĩnh B. Bắc	2024-2025	27/NQ- HĐND, 30/08/2022	8.600	8.600			8.600	8.600			3.758	3.758			
02	Đường Mai Thành Tâm (giai đoạn 2) thị trấn Vĩnh Thuận	Thị trấn	2024-2025	27/NQ- HĐND, 30/08/2022	11.330	11.330			11.330	11.330			6.000	6.000			
b	60% thu sử dụng đất (NS huyện)				2.400	2.400	-	-	2.400	2.400	-	-	2.400	2.400	-	-	
	Quản lý nhà nước				2.400	2.400	-	-	2.400	2.400	-	-	2.400	2.400	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số				Trong đó			Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
01	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc, bộ phận một cửa xã Vĩnh Bình Bắc; HM: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc, bộ phận một cửa + Thiết bị	Vĩnh B. Bắc	2024-2025	17/NQ-HĐND, 29/11/2023	1.200	1.200			1.200	1.200			1.200	1.200			
02	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc, khối vận xã Tân Thuận; HM: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc, khối vận + Thiết bị	Tân Thuận	2024-2025	17/NQ-HĐND, 29/11/2023	1.200	1.200			1.200	1.200			1.200	1.200			

THUẬN
T. K. H. G. I.